

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Quý 2/2009

I.A.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	2,692,502,473,588	4,329,046,020,935
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	942,714,032,012	3,098,955,440,746
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	573,160,539,397	379,955,998,498
4	Hàng tồn kho	1,111,308,774,968	791,111,843,773
5	Tài sản ngắn hạn khác	65,319,127,211	59,022,737,918
II	Tài sản dài hạn	2,499,869,838,369	2,006,902,720,695
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	1,899,295,208,973	1,441,060,698,489
	- Tài sản cố định hữu hình	1,682,719,544,377	1,208,263,245,356
	- Tài sản cố định vô hình	52,956,627,284	38,855,931,942
	- Tài sản cố định thuê tài chính		-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	163,619,037,312	193,941,521,191
3	Bất động sản đầu tư		-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	205,536,189,207	217,528,019,755
5	Tài sản dài hạn khác	395,038,440,189	348,314,002,451
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5,192,372,311,957	6,335,948,741,630
IV	Nợ phải trả	450,947,381,194	1,074,836,071,050
1	Nợ ngắn hạn	438,629,021,098	1,023,244,509,851
2	Nợ dài hạn	12,318,360,096	51,591,561,199
V	Vốn chủ sở hữu	4,719,423,149,172	5,239,581,794,564
1	Vốn chủ sở hữu	4,687,778,303,849	5,204,587,440,410
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3,800,000,000,000	3,800,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		209,233,309
	- Cổ phiếu quỹ	(35,052,843,575)	(43,296,089,299)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	145,488,879,702	488,436,802,265
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	777,342,267,722	959,237,494,135
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	31,644,845,323	34,994,354,154
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	31,644,845,323	34,994,354,154
	- Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	
VI	Lợi ích cổ đông thiểu số	22,001,781,591	21,530,876,016
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5,192,372,311,957	6,335,948,741,630

TP.HCM, ngày tháng 7 năm 2009

Người lập biểu Kế Toán Trưởng Tổng giám đốc

II.A.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2/2009

ĐVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 02	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,984,227,347,305	2,114,080,249,002	4,098,307,596,307
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	35,271,089,499	2,815,612,744	38,086,702,243
3	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	1,948,956,257,806	2,111,264,636,258	4,060,220,894,064
4	Giá vốn hàng bán	1,451,780,643,042	1,532,949,316,467	2,984,729,959,509
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	497,175,614,764	578,315,319,791	1,075,490,934,555
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24,504,546,077	45,835,626,772	70,340,172,849
7	Chi phí tài chính	19,795,691,653	24,459,305,906	44,254,997,559
8	Chi phí bán hàng	68,463,786,001	75,742,417,319	144,206,203,320
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	60,289,725,668	62,447,315,262	122,737,040,930
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	373,130,957,519	461,501,908,076	834,632,865,595
11	Thu nhập khác	3,485,206,372	1,053,108,741	4,538,315,113
12	Chi phí khác	38,046,916	110,239,682	148,286,598
13	Lợi nhuận khác	3,447,159,456	942,869,059	4,390,028,515
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	376,578,116,975	462,444,777,135	839,022,894,110
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	40,290,965,951	42,563,269,423	82,854,235,374
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		6,532,090	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	336,287,151,024	419,874,975,622	756,162,126,646
17	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	278,954,982	372,831,626	651,786,608
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	336,008,196,042	419,502,143,996	755,510,340,038
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	886	1,107	1,993
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-		-

Lập, ngày 24 tháng 07 năm 2009

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Lê Ngọc Giang